

Số: 3758/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

I. Căn cứ triển khai nhiệm vụ

Ngày 01/4/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 531/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), trong đó giao các Bộ, ngành liên quan: “Định kỳ vào tháng 12 hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, kiểm điểm tình hình thực hiện Chiến lược và báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược trong các ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ”;

Ngày 19/02/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 283/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đề án), trong đó giao các Bộ, ngành, địa phương liên quan: “Định kỳ hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, kiểm điểm tình hình thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ và báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi các văn bản số 12/BKHĐT-KTCNDV ngày 03/01/2023 và số 1610/BKHĐT-KTCNDV ngày 08/3/2023 (văn bản đôn đốc) đề nghị các Bộ, ngành, địa phương liên quan báo cáo tình hình triển khai xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược và Đề án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Tính đến thời điểm ngày 10/5/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo của 10/14¹ Bộ, ngành và 54/63² địa phương. Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tình hình triển khai

¹ Các Bộ chưa gửi báo cáo: Công Thương; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

² Các địa phương chưa gửi báo cáo: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Cao Bằng, Đồng Nai, Kiên Giang, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Trị, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trong năm 2022.

II. Kết quả đạt được của một số chỉ tiêu phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam năm 2022

Theo số liệu thống kê năm 2022, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,02%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, đánh dấu sự hồi phục mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid-19. Trong đó, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Như vậy, khu vực dịch vụ có tốc độ phục hồi, tăng trưởng cao nhất, có sự đóng góp lớn nhất vào sự phát triển chung của toàn nền kinh tế và là điểm sáng đáng ghi nhận.

Một số ngành dịch vụ tăng trưởng cao, đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế như: ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15%, đóng góp 0,97 điểm phần trăm; ngành vận tải kho bãi tăng 11,93%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống có mức tăng cao nhất trong các ngành dịch vụ với mức tăng 40,61%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,03%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm. Riêng ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 7,6%, tương ứng giảm 0,13 điểm phần trăm do dịch Covid-19 đã được kiểm soát nên chỉ cho phòng chống dịch bệnh giảm so với năm 2021.

Về cơ cấu kinh tế năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,88%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,26%; khu vực dịch vụ chiếm 41,33%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,53%.

Tính chung cả năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 12,9 tỷ USD, tăng 145,2% so với năm 2021, trong đó dịch vụ du lịch đạt 3,8 tỷ USD (chiếm 29,8% tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ), tăng gần 25 lần so với năm 2021; dịch vụ vận tải đạt 5,6 tỷ USD (chiếm 43,4%), tăng 165,4%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm 2022 đạt 25,5 tỷ USD, tăng 23,6% so với năm 2021, trong đó dịch vụ vận tải đạt 12,4 tỷ USD (chiếm 48,7% tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ), tăng 18,3%; dịch vụ du lịch đạt 6,5 tỷ USD (chiếm 25,6%), tăng 70,8%. Nhập siêu dịch vụ năm 2022 là 12,6 tỷ USD (trong đó đã tính trong phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 9 tỷ USD).

III. Tình hình triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

1. Tình hình triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7543/VPCP-KTTH ngày 17/10/2021 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó giao các Bộ, cơ quan, địa phương chủ động xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược trong Quý IV năm 2021.

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương đến nay đã có 4/14³ Bộ, ngành và 47/63⁴ địa phương đã xây dựng Chương trình hành động riêng để thực hiện Chiến lược. Các Bộ, ngành, địa phương còn lại báo cáo là đang triển khai xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược hoặc lồng ghép nội dung vào kế hoạch chi tiết triển khai Chương trình hành động, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực quản lý.

Theo báo cáo, Chương trình hành động của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xây dựng theo hướng: (i) Bám sát Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Phát triển khu vực dịch vụ nhanh đi đôi với hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại; (iii) Phát triển các ngành dịch vụ phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế và tiến trình hội nhập quốc tế; (iv) Phát triển khu vực dịch vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0; (v) Phát triển, hội nhập trong lĩnh vực dịch vụ đi đôi với bảo đảm nền kinh tế tự chủ và an toàn xã hội, an ninh quốc gia.

Năm 2022, Chính phủ tiếp tục chú trọng thực hiện các giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh, qua đó hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp thuộc các ngành dịch vụ nói riêng. Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. nỗ lực tạo khuôn khổ pháp lý của các cấp chính quyền, sự phối hợp của các cơ quan, đoàn thể và toàn xã hội đã tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động trong việc chủ động tham gia vào quá trình phát triển các ngành nghề, khu

³ Các Bộ đã ban hành Chương trình hành động: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

⁴ Các địa phương chưa ban hành Chương trình hành động: Bình Phước, Cần Thơ, Đà Nẵng, Điện Biên, Đồng Tháp, Hải Phòng, Hậu Giang, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Tiền Giang, Hải Dương và Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị (chưa cập nhật được do chưa gửi báo cáo).

vực dịch vụ; Thúc đẩy phát triển đa dạng hóa các ngành nghề thương mại, dịch vụ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cơ quan trung ương và chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả khả quan, trong đó, khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng và chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế.

Tuy nhiên, năm 2022, phát triển kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ; chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải tăng cao, gây nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi. Cùng với đó là khó khăn nội tại của một số địa phương như: trình độ nhân lực, năng suất và chất lượng hoạt động của khu vực dịch vụ còn thấp, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, quy mô doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhỏ, mạng lưới bán lẻ hiện đại còn ít; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành dịch vụ quan trọng; dịch vụ du lịch chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, một số ngành dịch vụ khác còn hạn chế ảnh hưởng chung đến tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ, chưa tạo sự đột phá. Một số cơ quan còn chưa thực sự quan tâm, chú trọng cho phát triển lĩnh vực dịch vụ như một ngành kinh tế trọng điểm.

(Kết quả thực hiện của một số ngành dịch vụ cụ thể được tổng hợp tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo).

2. Tình hình triển khai Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Cùng với việc triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo báo cáo, các Bộ, ngành, địa phương cũng tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, theo đó các cơ quan chủ động xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo lĩnh vực, ngành hoặc vùng lãnh thổ thuộc thẩm quyền quản lý, chủ động lồng ghép các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại các ngành dịch vụ vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Tính đến thời điểm hiện nay, đã có 22/26 nhiệm vụ được giao tại Phụ lục danh mục các nhiệm vụ kèm theo Đề án đã được các cơ quan liên quan hoàn thành hoặc đang tiếp tục triển khai. Còn 04 nhiệm vụ chưa có báo cáo cụ thể của các Bộ phụ trách⁵.

Các nhóm nhiệm vụ đã hoàn thành hoặc đang tiếp tục triển khai bao gồm: (i) tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ; (ii) lĩnh vực Tài chính - ngân hàng; (iii) lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông; (iv) lĩnh vực Phân phối; (v) lĩnh vực Giáo dục; (vi) lĩnh vực Khoa học và công nghệ; (vii)

⁵ Bao gồm 2 nhiệm vụ của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội, 2 nhiệm vụ của Bộ Y tế.

lĩnh vực Du lịch. Các nhóm nhiệm vụ các Bộ chưa gửi báo cáo: (i) lĩnh vực Đào tạo và Lao động; (ii) lĩnh vực Y tế.

Việc triển khai và hoàn thành các nhóm nhiệm vụ trên đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và lĩnh vực dịch vụ nói riêng trong bối cảnh phòng chống, dịch bệnh Covid-19, giúp cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục trong đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

(Kết quả triển khai các nhiệm vụ cụ thể được tổng hợp tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo).

IV. Nhận xét, đánh giá

1. Kết quả phát triển khu vực dịch vụ

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, khu vực dịch vụ có bước tăng trưởng đáng kể về quy mô, đóng góp lớn vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và đời sống. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ năm 2022 đạt 9,99%, cao hơn tốc độ tăng GDP (8,02%), tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP chiếm trên 41,33% (cao nhất trong cơ cấu kinh tế).

Công tác tạo lập môi trường, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tiếp tục được chú trọng.

Cơ cấu lại khu vực dịch vụ được triển khai tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế⁶, bảo hiểm⁷. Một số ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng... được tập trung phát triển. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại, như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến, các loại hình vận tải mới⁸,... đã góp phần giúp ngành dịch vụ thích ứng tốt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới của thế giới, đặc biệt là dịch Covid-19. Sự phục hồi của khu vực dịch vụ góp phần quan trọng vào giải quyết việc làm cho người lao động. Thực tiễn, khu vực dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số lao

⁶ Tính trung bình, việc thống nhất quy trình khám bệnh, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp liên hoàn... đã rút ngắn thời gian khám bệnh được 48,5 phút. Vấn đề an toàn người bệnh cũng được các bệnh viện ưu tiên. Các bệnh viện đang cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. Đến nay, bộ mặt các bệnh viện thay đổi theo hướng tích cực; người bệnh được chăm sóc tốt hơn, hài lòng hơn; chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần làm việc của nhân viên y tế từng bước được nâng lên.

⁷ Các sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa với gần 1.200 sản phẩm bảo hiểm, chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều loại hình sản phẩm mới, bảo hiểm vi mục tiêu an sinh xã hội được triển khai như: Bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí...

⁸ Như thí điểm taxi công nghệ (Grab, Fastgo...).

động có việc làm.

Dịch vụ du lịch đang phục hồi mạnh mẽ, hoạt động du lịch thông qua đường hàng không, đường bộ, đường sắt và đường biển đã được mở lại toàn bộ, đặc biệt SEA Games 31 góp phần đưa lượng khách du lịch quốc tế tăng nhanh. Về dịch vụ vận tải và logistics, vận tải hành khách bằng đường bộ, đường hàng không, đường thủy hoạt động sôi nổi; vận tải hàng hóa năm 2022 thuận lợi và có tăng trưởng tích cực. Hoạt động vận tải đã từng bước được quản lý chặt chẽ trên tất cả các lĩnh vực, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu vận tải trong và ngoài nước; giá cước vận tải cơ bản được giữ ổn định, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân, nhất là vào các dịp cao điểm như nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, dịp nghỉ Lễ 30/4, mừng 1/5 và thời điểm diễn ra SEA Games 31.

Chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, trong khu vực và quốc tế được từng bước được nâng lên. Công tác xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm,... theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế được quan tâm.

Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ chế chính sách được ban hành để tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí cho việc phát triển, củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa có trọng điểm kết cấu hạ tầng quan trọng như: giao thông, cảng hàng không, cảng biển, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng.

2. Tồn tại, hạn chế trong phát triển khu vực dịch vụ

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, lĩnh vực dịch vụ vẫn còn những hạn chế nhất định. Việt Nam luôn nhập siêu trong các cán cân thương mại dịch vụ, nhất là với dịch vụ có hàm lượng công nghệ và trí thức cao (nhập siêu dịch vụ năm 2022 là 12,6 tỷ USD).

Cơ cấu của ngành dịch vụ còn thiên về các ngành dịch vụ truyền thống và tiêu dùng cuối cùng; các ngành dịch vụ mang tính chất “động lực” hay “xương sống” của nền kinh tế như tài chính - tín dụng, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, thông tin truyền thông đã có sự phát triển khá mạnh thời gian qua song vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong GDP nền kinh tế.

Chi phí logistics vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu của

doanh nghiệp⁹. Mức độ tham gia của tư nhân trong phát triển dịch vụ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng; các doanh nghiệp dịch vụ có quy mô còn nhỏ, chuyên môn hóa thấp và hoạt động trong một môi trường cạnh tranh chưa cao; năng lực cung ứng dịch vụ, năng lực cạnh tranh và kết nối giữa Việt Nam với khu vực và thế giới còn nhiều hạn chế. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa kết nối hiệu quả, thông suốt từ khâu sản xuất đến tiêu thụ; trong hoạt động xuất nhập khẩu, việc đa dạng hóa về thị trường và mặt hàng còn hạn chế. Một số ngành dịch vụ nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển như du lịch, logistics và vận tải... nhưng khả năng cạnh tranh quốc tế chưa cao.

Năng suất lao động của khu vực dịch vụ cao hơn năng suất của nền kinh tế song còn thấp so với các nước trong khu vực¹⁰; tốc độ tăng năng suất lao động khu vực dịch vụ còn chậm. Năng suất lao động của khu vực dịch vụ năm 2022 đạt 199,7 triệu đồng/lao động, tăng 3,66% so với năm 2021.

Một số mô hình kinh tế chia sẻ, mô hình kinh tế nền tảng dựa trên công nghệ số, nền tảng số phát triển nhanh nhưng còn thiếu cơ chế kiểm soát đồng bộ nên gây xâm lấn và phá vỡ kết cấu kinh tế truyền thống.

Trong quá trình triển khai chuyển đổi số ngành ngân hàng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt gặp một số khó khăn, thách thức, như: (i) thiếu đồng bộ và chưa đảm bảo tính phù hợp của các quy định pháp lý hiện hành liên quan đến các hoạt động gồm: giao dịch điện tử; chữ ký điện tử; chứng từ điện tử; định danh và xác thực khách hàng điện tử; chia sẻ dữ liệu và bảo mật thông tin khách hàng, quy trình nghiệp vụ... với thực tiễn ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng; (ii) thiếu đồng bộ và chuẩn hóa các cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kết nối liên thông, tích hợp liên mạch giữa ngành ngân hàng với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành hệ sinh thái số, cung ứng dịch vụ đa tiện ích cho khách hàng; (iii) thay đổi nhận thức, thói quen, hành vi tiêu dùng và việc bảo mật thông tin, đảm bảo an ninh an toàn.

3. Về tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chiến lược và Đề án

Phần lớn các Bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc triển khai nghiên cứu, rà soát, xây dựng và ban hành các Chương trình hành động thực hiện Chiến lược, Đề án hoặc lồng ghép nhiệm vụ vào các chương trình, kế hoạch riêng của từng ngành, lĩnh vực, qua đó góp phần vào việc phát triển khu vực dịch vụ cả nước nói chung và các ngành dịch vụ theo địa bàn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, có 04/14 Bộ, ngành và 47/63 địa phương đã ban hành riêng Chương trình hành động để thực hiện Chiến lược.

⁹ Theo Báo cáo logistics Việt Nam 2019 của Bộ Công thương (2019): Một doanh nghiệp điển hình, tổng chi phí logistics chiếm khoảng 19,3% tổng doanh thu của doanh nghiệp.

¹⁰ Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê về Năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam giai đoạn 2011-2020: Tính theo PPP năm 2017, NSLĐ của Việt Nam năm 2020 chỉ bằng 11,3% mức năng suất của Singapore; 33,1% của Malaysia; 59,1% của Thái Lan; 77% của Indonesia và bằng 86,5% của Philippines.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, định kỳ vào tháng 12 hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, các Bộ, ngành, địa phương liên quan kiểm điểm tình hình thực hiện Chiến lược, Đề án, báo cáo tiến độ thực hiện công việc được giao về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quy định về chế độ báo cáo trên chưa được tuân thủ nghiêm túc, hầu hết các cơ quan liên quan chưa chủ động gửi báo cáo (chỉ gửi khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị) hoặc gửi báo cáo chậm (cần văn bản đôn đốc).

V. Kiến nghị

Căn cứ tình hình thực tế triển khai các nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương được giao tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 và Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ nêu trên, đề nghị đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành, địa phương:

- Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ mới, ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tập trung vào các dịch vụ ưu tiên phát triển như dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ tài chính - ngân hàng.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số. Phát triển các hệ sinh thái số để làm nền tảng cho phát triển xã hội số, kinh tế số; phát triển thương mại điện tử, khai thác hiệu quả các phương thức thanh toán điện tử và các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới. Tập trung cao cho công tác phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng.

- Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Thu hút đầu tư tư nhân vào các ngành dịch vụ mũi nhọn, then chốt. Tập trung hình thành hệ thống các trung tâm logistics mạnh, nhất là trong lĩnh vực hàng không, hàng hải. Lựa chọn một số địa điểm, đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính, có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

- Khai thác hiệu quả thị trường nội địa; xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp công nghệ số truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nâng cấp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng bán buôn, phát triển doanh nghiệp phân phối gắn lưu thông với sản xuất, giảm chi phí logistics.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, phát triển đa dạng sản phẩm du lịch bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung giải quyết các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng du lịch. Có chính sách thúc đẩy du lịch gắn với bảo tồn và phát

triển bền vững văn hóa truyền thống.

- Phát triển dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trở thành các ngành kinh tế quan trọng. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên sự sáng tạo có kế thừa văn hóa, tinh hoa dân tộc, khoa học công nghệ và bản quyền sở hữu trí tuệ; khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

- Hình thành khung pháp luật về phát triển thị trường trao đổi tín chỉ cacbon, sàn giao dịch dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) để thúc đẩy phát triển dịch vụ sinh thái và thúc đẩy phục hồi các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cắt giảm danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và tiếp tục đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ; tuân thủ nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hằng năm tình hình triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Các Bộ, ngành nghiên cứu kiến nghị của địa phương (tại Phụ lục I) để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện các văn bản pháp luật, các đề án, báo cáo đã được phê duyệt, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ nếu có vướng mắc.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ. *le*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCTK;
- Viện QLKTTW;
- Các Cục: PTĐN, QLĐT;
- Các Vụ: THKTQD, KTĐP<, KTNN, KTĐN, TCTT, PHTHĐT, KHGD TN&MT, LĐVHXH, PC;
- Lưu VT, KTCNDV, Hoa (3).



Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KHU VỰC DỊCH VỤ VIỆT NAM THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



(Kèm theo Báo cáo số 3758/BC-BKHĐT ngày 19 tháng 5 năm 2023
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ

Năm 2022, Chính phủ tiếp tục chú trọng thực hiện các giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh, qua đó hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp thuộc các ngành dịch vụ nói riêng. Cùng với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; đồng thời với mục tiêu tạo chuyển biến thực chất, rõ nét về môi trường kinh doanh, sau Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Nội dung cải cách môi trường kinh doanh cũng được nhấn mạnh tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tập trung hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 bao gồm: miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm 2022 - 2023...

Năm 2022, Chính phủ đã có 08 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; một số vướng mắc, rào cản về thể chế, chính sách đã được chỉ đạo tháo gỡ, giải quyết. Đồng thời, triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, theo báo cáo của các Bộ, ngành, năm 2022 đã cắt giảm 1.041 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, gồm: 488 thủ tục hành chính, 08 tiêu chuẩn, quy chuẩn; 46 yêu cầu, điều kiện; 21 chế độ báo cáo và 478 sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành. Về cải cách dịch vụ công: Trong năm 2022, hầu hết các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành việc hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính bình quân trên toàn quốc đạt 30,41%.

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ("Luật sửa đổi, bổ sung 9 Luật"). Việc xây dựng, ban hành Luật này nhằm kịp thời tháo gỡ những

khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh phòng chống, dịch bệnh Covid-19; cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục trong đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các địa phương chủ động tổ chức các hội nghị, diễn đàn đối thoại để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh theo các Nghị quyết của Chính phủ về năng lực cạnh tranh quốc gia. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, ít tốn kém, nhất là thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Các cơ quan Nhà nước triển khai cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ; tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước; đẩy mạnh cung cấp và tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan để rút ngắn thời gian khởi sự kinh doanh và đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2. Tình hình phát triển một số ngành dịch vụ chủ yếu

2.1 Dịch vụ du lịch

Trong năm 2022 nhiều chính sách tại các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ tiếp tục được triển khai để hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động nói chung và ngành du lịch nói riêng như: giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất; thành lập Tổ công tác đặc biệt của Bộ, cơ quan, địa phương về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19... Các chính sách, giải pháp được triển khai đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục nỗ lực vượt qua khó khăn bởi dịch Covid-19, duy trì sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm cho người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đóng góp tăng trưởng kinh tế, đảm bảo mục tiêu kép “vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế”.

Cơ sở hạ tầng du lịch được các địa phương chú trọng đầu tư, đặc biệt là hạ tầng giao thông tiếp cận các điểm đến. Công tác kêu gọi đầu tư du lịch tiếp tục có những chuyển biến tích cực, nhiều nhà đầu tư chiến lược, có thương hiệu về du lịch trong và ngoài nước đã đầu tư và đang nghiên cứu đầu tư trên địa bàn cả nước.

Việc xây dựng chương trình quảng bá du lịch dưới nhiều hình thức và qua phương tiện truyền thông, đặc biệt tăng cường quảng bá trên mạng internet. Các địa phương tích cực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 09/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển du lịch, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của ngành. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch theo hướng tiệm cận các bộ tiêu chuẩn du lịch quốc tế; xây dựng hình ảnh và thương hiệu du lịch địa phương.

Bắt đầu từ ngày 15/3/2022, Việt Nam mở cửa hoàn toàn để đón khách quốc tế, gỡ bỏ các rào cản về kiểm soát y tế đối với khách nhập cảnh, dịch vụ du lịch đã phục hồi mạnh mẽ và đạt tăng trưởng tích cực. Tính chung năm 2022, khách quốc tế đạt 3.66,2 nghìn lượt khách, tăng gấp 23,3 lần so với năm 2021. Khách Châu Á chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2022, tiếp đến là khách đến từ thị trường Châu Âu, Châu Mỹ.

Du lịch nội địa ghi nhận sự tăng trưởng ngoạn mục trong năm 2022. Theo số liệu thống kê, trước Covid-19, lượng khách nội địa tăng đều qua các năm và đạt đỉnh vào năm 2019 với 85 triệu lượt. Năm 2022, sau khi gỡ bỏ mọi hạn chế đi lại, lượng khách nội địa cả năm đã đạt 101,3 triệu lượt, tăng 168,3% so với mục tiêu 60 triệu và vượt con số của năm 2019. Riêng ba tháng hè, lượng khách đạt hơn 35 triệu. Tổng doanh thu toàn ngành du lịch năm 2022 đạt 495.000 tỷ đồng.

Sau Covid-19, du lịch nội địa đang là nhân tố chủ lực cho sự phục hồi và tăng trưởng của toàn ngành. Hoạt động vui chơi tại các trung tâm lớn diễn ra sôi động với nhiều sự kiện nổi bật, có sức lan tỏa. Nhiều địa phương ghi nhận lượng khách tăng cao như Phú Yên đón hơn 2,2 triệu lượt khách, tăng hơn 20% so với trước dịch, Phú Quốc tăng hơn 25% so với kế hoạch năm. Hơn 90% cơ sở lưu trú trên cả nước đã hoạt động bình thường. Trong dịp cao điểm hè, công suất phòng khách sạn tăng cao. Những ngày cuối tuần mức trung bình công suất phòng cả nước đạt trên 60%, các ngày trong tuần đạt tới 50%. Một số điểm nổi tiếng như Hạ Long (Quảng Ninh), Sa Pa (Lào Cai), Quy Nhơn (Bình Định), Phú Quốc (Kiên Giang) có thời điểm công suất phòng trên 95%.

2.2 Dịch vụ lưu trú và ăn uống

Trong năm 2022, song hành cùng sự phục hồi của dịch vụ du lịch, các hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng so với năm 2021 do các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội đã trở lại bình thường, nhu cầu vui chơi, du lịch, giải trí của người dân tăng cao, đặc biệt vào các dịp lễ hội, nghỉ hè. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2022 đạt 578,7 nghìn tỷ đồng, tăng 52,5% so với năm 2021.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2022 so với năm 2021 của một số địa phương: Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 155,6%; Khánh Hòa tăng 151,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 121,6%; Cần Thơ tăng 121,3%; Lâm Đồng tăng 118,4%; Đà Nẵng tăng 83,5%; Hà Nội tăng 80,4%; Quảng Ninh tăng 57,8%.

Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành năm 2022 tăng cao so với năm 2021: Cần Thơ gấp 10,3 lần; Bình Định gấp 9,3 lần; Khánh Hòa gấp 8,2 lần; Thừa Thiên - Huế gấp 8 lần; Đà Nẵng gấp 6,7 lần; Hà Nội gấp 4,1 lần; Hải Phòng gấp 3,8 lần; Thành phố Hồ Chí Minh gấp 1,9 lần.

2.3 Dịch vụ logistics và vận tải

Đối với lĩnh vực logistics, ngày 16/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 163/NQ-CP về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam. Nghị quyết khẳng định logistics là một ngành dịch vụ quan trọng trong cơ cấu tổng thể nền kinh tế quốc dân, đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như từng địa phương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Dịch vụ logistics được phát triển thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu và thương mại trong nước, phát triển hạ tầng giao thông vận tải và công nghệ thông tin. Từ ngày 01/8/2022, Thành phố Hồ Chí Minh giảm 50% mức phí với hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập, hàng gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu, hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu được vận chuyển vào cảng và rời cảng bằng đường thủy nội địa. Hải Phòng cũng đã quyết định giảm 50% mức thu phí đối với hàng hóa của đối tượng nộp phí khi vào cảng và rời cảng bằng phương tiện thủy nội địa hoạt động trên các tuyến đường thủy ở khu vực Hải Phòng. Đây là những động thái tích cực, thể hiện tinh thần cầu thị, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp của các địa phương có cơ sở hạ tầng trọng yếu đối với ngành logistics của đất nước, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Nhằm quán triệt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong đó có nhiệm vụ trọng tâm tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, tạo môi trường bình đẳng, lành mạnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đối với lĩnh vực vận tải Chính phủ đã ban hành 8 Nghị định, các Bộ đã ban hành 49 Thông tư. Bên cạnh đó, các luật chuyên ngành đang được tổng kết, xây dựng như: Luật Đường sắt Việt Nam (sửa đổi, bổ sung), Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi) tạo khuôn khổ pháp lý thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Năm 2022, vận tải hành khách đạt 3.664,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 52,8% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 32,7%) và luân chuyển đạt 171,8 tỷ lượt khách.km, tăng 78,3% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 40,9%). Trong đó,

vận tải trong nước đạt 3.658,9 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 52,6% so với năm 2021 và 155,4 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 62,4% so với năm 2021; vận tải ngoài nước đạt 5,2 triệu lượt khách vận chuyển, gấp 32,6 lần và 16,4 tỷ lượt khách.km luân chuyển, gấp 27 lần năm 2021. Xét theo ngành vận tải, năm 2022 tất cả các ngành đều có sự phục hồi khá tốt so với năm 2021, trong đó, sản lượng vận tải hành khách đường hàng không năm 2022 tăng gấp 3,2 lần về vận chuyển và tăng gấp 4,2 lần về luân chuyển so với năm 2021.

Năm 2022, vận tải hàng hóa đạt 2.009,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 23,7% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 8,4%) và luân chuyển 441,3 tỷ tấn.km, tăng 29,4% so với năm 2021 (năm 2021 tăng 0,5%). Trong đó, vận tải trong nước đạt 1.966,5 triệu tấn vận chuyển, tăng 23,4% và 270,7 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 46,5%; vận tải ngoài nước đạt 43,1 triệu tấn vận chuyển, tăng 40,6% và 170,6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 9,2%. Các doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, xuất nhập khẩu tiếp tục khởi sắc nên nhu cầu vận tải hàng hóa trong và ngoài nước năm 2022 tăng cao so với các năm trước. So với năm 2019, vận chuyển hàng hóa năm nay tăng 7,4% về vận chuyển và tăng 21,4% về luân chuyển. Xét theo ngành vận tải, năm 2022 hầu hết các ngành đường đều có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2021 và còn đạt mức sản lượng cao hơn so với năm 2019 khi chưa có dịch Covid-19.

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2022 đạt mức kỷ lục 733 triệu tấn, tăng trưởng 4%, góp phần đảm bảo hàng hóa lưu thông trên thị trường trong nước và hoạt động xuất nhập khẩu.

2.4 Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

Đối với dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông, việc xây dựng thể chế, tầm nhìn, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được chú trọng bên cạnh việc rà soát và sửa đổi thể chế để tránh chông chéo, mâu thuẫn, loại bỏ những cản trở phát triển. Xây dựng Chính phủ số, chính quyền số để dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số, xã hội số góp phần nâng cao tốc độ tăng trưởng, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đưa Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và trở thành nước phát triển vào năm 2045.

Năm 2022, doanh thu toàn ngành Thông tin và Truyền thông đạt 3.893.595 tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2021 và gấp 1,5 lần so với dự báo tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 của cả nước. Nộp ngân sách nhà nước đạt 98.982,30 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2021.

Đối với lĩnh vực viễn thông, việc chuyển đổi hạ tầng viễn thông nhằm xây dựng hạ tầng số, hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, xã hội số. Năm 2022 doanh thu dịch vụ viễn thông đạt 138.000 tỷ đồng, tăng 1,6% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 44.500 tỷ đồng, tăng 3,8% so với năm 2021. Số thuê bao điện thoại di động sử dụng smartphone đạt 75,8%, tăng 1,4% so với năm 2021.

Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang tính đến tháng 12/2022 đạt 74,5% xấp xỉ đạt mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2022 là 75%, tăng 7,5 %, so với cùng kỳ năm 2021.

Đối với lĩnh vực Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT) - kinh tế số, trong năm 2022, doanh thu đạt 148 tỷ USD, tăng trưởng 8,7% so với năm 2021, đạt kế hoạch đề ra năm 2022. Đóng góp vào GDP của lĩnh vực Công nghiệp ICT năm 2022 đạt 34.336 triệu USD, tăng trưởng 8,7% so với năm 2021, đạt kế hoạch đề ra năm 2022. Kinh tế số mở ra không gian tăng trưởng mới cho kinh tế Việt Nam, là động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế quốc gia. Đóng góp của kinh tế số cho GDP năm 2022 đạt tỷ trọng khoảng 14,26%, trong đó, kinh tế số ICT đóng góp khoảng 7,18%.

Đối với an toàn thông tin, năm 2022, doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt 3.319 tỷ đồng, tăng trưởng 55% so với năm 2021. Trong đó, doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt 1.991 tỷ đồng, chiếm 70% tổng doanh thu. Tỷ lệ các chủng loại sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin mạng do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất đạt 95,5%, tăng 50% so với năm 2018.

2.5 Dịch vụ tài chính - ngân hàng

Đối với lĩnh vực tài chính, Quốc hội đã ban hành Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030. Hiện nay, các Bộ ngành liên quan đang rà soát đề trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định Phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 23/5/2022 về việc phê duyệt Chiến lược Kế toán - kiểm toán đến năm 2030. Đây là những cơ sở pháp lý giúp lĩnh vực tài chính hoạt động hiệu quả.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, Chính phủ tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, ngân hàng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập. Trong năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 01 Quyết định tạo cơ sở pháp lý thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm về công tác điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, thanh toán. Khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động thanh toán tiếp tục được rà soát, bổ sung, tạo sự đồng bộ, hoàn thiện, khuyến khích phát triển thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, các quy định về đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng nâng cao năng lực quản trị, điều hành, hoạt động an toàn, hiệu quả cũng được hoàn thiện.

Tính đến cuối năm 2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,85% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 8,31%); huy động vốn của các tổ

chức tín dụng tăng 5,99% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,73%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,87% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 12,53%).

Năm 2022, doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 16,2% so với năm 2021, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 15,8%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 17,3%. Chi trả quyền lợi bảo hiểm tính đến ngày 12/12/2022 đạt 64.018 tỷ đồng (tăng 23,29% so với cùng kỳ năm 2021), trong đó chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt 23.418 tỷ đồng, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 40.600 tỷ đồng; đầu tư trở lại nền kinh tế của doanh nghiệp bảo hiểm năm 2022 tăng 12,5% so với năm 2021.

Thị trường chứng khoán năm 2022 sụt giảm mạnh so với năm 2021 trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn cho vay, hạn mức tăng trưởng tín dụng kiểm soát chặt chẽ, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành giảm.

Thị trường cổ phiếu, tính đến cuối năm 2022, chỉ số VNIndex đạt 993,7 điểm, giảm 5,22% so với cuối tháng trước và giảm 33,68% so với cuối năm 2021. Tính đến cuối năm 2022, mức vốn hóa thị trường đạt 5.263 nghìn tỷ đồng, giảm 32,2% so với cuối năm 2021; giá trị giao dịch bình quân đạt 20.410 tỷ đồng/phiên, giảm 23,3% so với bình quân năm 2021.

Thị trường trái phiếu, có 447 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt hơn 1.708 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2021. Giá trị giao dịch bình quân trong tháng 12/2022 đạt 3.284 tỷ đồng/phiên, tăng 17,1% so với tháng trước; bình quân cả năm 2022 đạt 7.737 tỷ đồng/phiên, giảm 32,2% so với bình quân năm 2021.

2.6 Dịch vụ phân phối

Năm 2022, thị trường trong nước tiếp tục được củng cố, phục hồi và phát triển. Quy mô và dung lượng thị trường năm 2022 đạt mức tăng trưởng rất cao so với năm 2021; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm đạt 5.679,9 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 19,8% so với cùng kỳ năm 2021 (trong khi mục tiêu tăng trưởng của cả năm 2022 là 8%). Giá trị tăng thêm của thương mại trong nước tăng trưởng cao, đạt 10,15% so với năm 2021, đóng góp 0,97 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Bên cạnh đó, dịch vụ phân phối cũng góp phần tích cực trong giải quyết công ăn việc làm (năm 2022 lĩnh vực thương mại trong nước thu hút 7,2 triệu lao động, tương đương 14,7% tổng lao động xã hội đang làm việc trong các ngành nghề) và bảo đảm an sinh xã hội, trở thành một trụ cột quan trọng của phát triển kinh tế.

Các giải pháp điều tiết, kết nối cung cầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường được triển khai quyết liệt phục vụ đời sống của người dân và hoạt động của các doanh nghiệp, đạt nhiều kết quả tốt, góp phần quan trọng trong việc điều hành vĩ mô, thực hiện các mục tiêu cân đối lớn của nền

kinh tế và kiểm soát lạm phát của Chính phủ. CPI cả năm 2022 được kiểm soát ở mức 3,15% (thấp hơn mức 4% Quốc hội giao).

Năm 2022, hoạt động thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục phát triển, trở thành kênh phân phối quan trọng. Theo số liệu thống kê, doanh thu thương mại điện tử bán lẻ tại Việt Nam tăng trưởng 20% so với năm 2021, đạt 16,4 tỷ USD, chiếm 7,5% doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Về phía các địa phương, công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống phân phối của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được chú trọng. Công tác phát triển hạ tầng thương mại được quan tâm, từng bước tạo kênh phân phối văn minh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân; góp phần tạo chuỗi lưu thông hàng hóa thông suốt, thuận lợi, đảm bảo cung ứng đầy đủ hàng hóa, thực phẩm thiết yếu phục vụ người dân từ thành thị đến vùng nông thôn. Chính quyền địa phương hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức các chuyến hàng lưu động đưa hàng về nông thôn.

Công tác tuyên truyền và phổ biến kiến thức về hoạt động mua bán hàng hóa thông qua các sàn thương mại điện tử nhằm tạo môi trường thương mại điện tử lành mạnh, bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư, người tiêu dùng được chú trọng. Các địa phương thường xuyên rà soát, tổng hợp nhu cầu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn có nhu cầu tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử để hỗ trợ, đưa sản phẩm của các doanh nghiệp tham gia bán hàng trên sàn thương mại điện tử; giúp các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh các sản phẩm địa phương; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa.

2.7 Dịch vụ khoa học và công nghệ

Năm 2022, đã xây dựng ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật (01 văn bản Luật, 04 văn bản cấp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, 17 văn bản cấp Bộ) trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN). Nội dung các văn bản được ban hành trong năm 2022 tiếp tục tập trung vào việc huy động mọi nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&CN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) phục vụ phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam được chú trọng. 53 TCVN liên quan đến lĩnh vực dịch vụ bao gồm 05 TCVN về dịch vụ logistics và vận tải, 03 TCVN về dịch vụ môi trường, 04 TCVN về nông nghiệp thực phẩm, 41 TCVN về bao bì đã được công bố.

Hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được xã hội hóa với nhiều thành phần kinh tế, huy động được nguồn lực xã hội tham gia. Đến nay, đã hình thành mạng lưới tổ chức dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường bao phủ trên 63 tỉnh, thành phố, cơ bản đáp ứng việc đảm bảo độ chính xác của phương tiện đo theo yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế được áp dụng vào doanh nghiệp, trước hết tập trung vào các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lớn, chủ lực của nền kinh tế. Phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 đối với các hoạt động liên quan đến dịch vụ công được mở rộng.

Khu vực tư nhân được khuyến khích xây dựng cơ sở nghiên cứu KH&CN, các trung tâm đổi mới sáng tạo và cung ứng dịch vụ KH&CN; hỗ trợ thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến có vốn nước ngoài. Các giải pháp phát triển toàn diện, đồng bộ thị trường KH&CN, phát triển dịch vụ tư vấn môi giới, kết nối cung cầu mua bán công nghệ, chuyển giao công nghệ tiếp tục được triển khai. Đến nay, cả nước có 14 Điểm kết nối cung - cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành; 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN; 04 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm; 294 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, 349 cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; 79 cơ sở ươm tạo; 1010 phòng thí nghiệm (phòng thực nghiệm); 202 khu làm việc chung; 217 quỹ đầu tư/nhà đầu tư; 40 tổ chức thúc đẩy kinh doanh. Cả nước hiện có 636 doanh nghiệp KH&CN.

3. Đánh giá kết quả triển khai Chiến lược

3.1 Thuận lợi

Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nỗ lực tạo khuôn khổ pháp lý của các cấp chính quyền, sự phối hợp của các cơ quan, đoàn thể và toàn xã hội đã tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động trong việc chủ động tham gia vào quá trình phát triển các ngành nghề, khu vực dịch vụ; thúc đẩy phát triển đa dạng hóa các ngành nghề thương mại, dịch vụ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong năm 2022, các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả khả quan, trong đó, khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng và chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế. Trong bối cảnh khó khăn do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, một số ngành dịch vụ có chuyển biến tích cực, có tác động lan tỏa,

đóng góp lớn vào sự phát triển chung của khu vực dịch vụ như: du lịch, logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính - ngân hàng, phân phối...

3.2 Tồn tại, hạn chế

Năm 2022, phát triển kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ; chi phí sản xuất, sinh hoạt, vận tải tăng cao, gây nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi. Cùng với đó là khó khăn nội tại của một số địa phương như: trình độ nhân lực, năng suất và chất lượng hoạt động của khu vực dịch vụ còn thấp, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, quy mô doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhỏ, mạng lưới bán lẻ hiện đại còn ít; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành dịch vụ quan trọng; dịch vụ du lịch chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, một số ngành dịch vụ khác còn hạn chế ảnh hưởng chung đến tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ, chưa tạo sự đột phá. Một số cơ quan còn chưa thực sự quan tâm, chú trọng cho phát triển lĩnh vực dịch vụ như một ngành kinh tế trọng điểm.

Việc triển khai các nhiệm vụ còn hạn chế do sự phát triển không đồng đều giữa các ngành nghề, lĩnh vực dịch vụ trên địa bàn một số địa phương do khác nhau về hạ tầng cơ sở, điều kiện tự nhiên và xã hội. Việc tích hợp nội dung phát triển khu vực dịch vụ vào quy hoạch tỉnh có nơi còn chậm và lúng túng do việc tiếp cận tổng hợp và cơ chế phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực còn chưa đồng bộ và có cách hiểu khác nhau.

4. Một số kiến nghị của địa phương

Đến thời điểm hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương không có kiến nghị liên quan trực tiếp đến Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, để tạo điều kiện phát triển lĩnh vực dịch vụ, một số địa phương kiến nghị chung như sau:

- Đối với Chính phủ:

+ Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, về hỗ trợ doanh nghiệp để tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, tiếp cận với các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0.

+ Ban hành Nghị định phát triển và quản lý chợ (thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 02/2003/NĐ-CP). Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại làm cơ sở để triển khai thực hiện.

+ Ban hành chính sách đặc thù nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

+ Bổ sung các tiêu chí quy định về dịch vụ mới phục vụ du khách (đu dây văng, dù lượn, dù bay trên biển, fly board, mô tô địa hình...) trong Luật Du lịch nhằm quản lý, vận hành, khai thác tại các điểm, khu du lịch.

+ Ban hành chính sách thúc đẩy chuyên giao kết quả nghiên cứu; phát triển các mô hình tổ chức trung gian để chuyên giao công nghệ; khai thác nguồn lực, đặc biệt nhân lực tại viện, trường cho đổi mới tại doanh nghiệp.

- Đối với các Bộ, ngành trung ương:

+ Đề xuất triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số một cách đồng bộ từ trung ương tới địa phương để tránh đầu tư manh mún, trùng lặp, tổ chức hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện.

+ Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm và quan tâm hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm địa phương sang thị trường các nước.

+ Hỗ trợ giới thiệu, mời gọi và kết nối các doanh nghiệp, các Tập đoàn bán lẻ, thương nhân xuất nhập khẩu nông sản ở trong và ngoài nước hợp tác, thu mua, nhập khẩu các sản phẩm nông sản địa phương.

+ Thành lập một trung tâm điều hành cung cấp thông tin về nhu cầu vận tải hàng hóa của doanh nghiệp để loại bỏ được tình trạng xe chạy một chiều. Thành lập các liên minh chiến lược giữa các doanh nghiệp nội địa; hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động dịch vụ logistics, nhất là những văn bản hướng dẫn về cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư; xây dựng cơ chế phối hợp quản lý trong hoạt động dịch vụ logistics.

+ Hướng dẫn cơ chế, chính sách huy động chuyên gia triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước; hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng.

+ Ban hành Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế.

+ Xây dựng phương án cải tạo, nâng cấp các ga hàng hóa đường sắt, phát huy vận tải đường sắt tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng, giảm áp lực lên hệ thống giao thông đường bộ và giảm chi phí vận tải, tăng khả năng cạnh tranh.

+ Hướng dẫn ban hành các chỉ tiêu và phương pháp tính chỉ tiêu thống kê hoạt động kinh tế ban đêm; văn bản sửa đổi bổ sung các hoạt động ban đêm đối với các dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí.



Phụ lục II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH DỊCH VỤ ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 3758 /BC-BKHĐT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
I TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG CHUNG CHO PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ							
1	Sửa đổi và hoàn thiện Luật và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện gồm: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Luật, Nghị định, Quyết định	Đã ban hành: i) Luật Đầu tư 2020, ii) Luật Doanh nghiệp 2020, iii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật gồm: Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và Luật Thi hành án dân sự, iv) Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, v) Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều Nghị

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
							định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, vi) Quốc hội đang rà soát sửa Luật Đấu thầu
2	Rà soát, điều chỉnh điều kiện kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2014	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ,	Luật, Nghị định	Luật Đầu tư 2020 đã ban hành Danh mục, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm các ngành dịch vụ
3	Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực thi Luật Cạnh tranh	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định	Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh; Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia
II	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG						
1	Chiến lược tài chính đến năm 2030	Bộ Tài chính	Các cơ quan liên quan	2020-2021	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
2	Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 80/2016/NĐ-CP)	Ngân hàng Nhà nước	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định	Đang triển khai (Ngân hàng Nhà nước chưa đề cập cụ thể trong báo cáo)
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định	Đang triển khai (Ngân hàng Nhà nước chưa đề cập cụ thể trong báo cáo)
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG						
1	Đề án tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông giai đoạn 2020 – 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Đang triển khai (Bộ Thông tin và Truyền thông chưa đề cập cụ thể trong báo cáo)
2	Đề án bảo vệ bản quyền trong lĩnh vực Công nghệ thông tin – viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Đang triển khai (Bộ Thông tin và Truyền thông chưa đề cập cụ thể trong báo cáo)
3	Đề án kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ;	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
			các bộ, ngành liên quan				với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030
4	Đề án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình VTCI đến năm 2025 và được phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021.
5	Đầu tư phát triển dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Dự án	Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (dự kiến trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược này trong năm 2023)
6	Chiến lược phát triển dịch vụ bưu chính Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030
7	Chiến lược phát triển dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (dự

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
							kiến trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược này trong năm 2023)
8	Chiến lược phát triển dịch vụ viễn thông Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 123/TTr-BTTTT ngày 8/12/2022 nhằm huy động nguồn nhân lực, vật lực và nguồn vốn từ doanh nghiệp khu vực tư nhân để đầu tư vào hạ tầng, dịch vụ trọng điểm, có lợi nhuận để góp phần đạt được các mục tiêu phát triển hạ tầng số
IV	PHÂN PHỐI						
1	Nghị định sửa đổi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan	2020-2022	Chính phủ	Nghị định	Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử
V	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ LAO ĐỘNG						
1	Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 định hướng đến năm 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa gửi báo cáo
2	Chiến lược phát triển giáo dục nghề	Bộ Lao động - Thương	Các cơ quan	2020	Thủ tướng	Đề án	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp liên quan	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
	ngành đến năm 2030	binh và Xã hội	liên quan		Chính phủ		chưa gửi báo cáo
3	Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Tờ trình số 445/TTr-BGDĐT ngày 22/4/2022 và Tờ trình số 1264/TTr-BGDĐT ngày 26/9/2022 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Chiến lược. Hiện nay, việc ban hành Chiến lược có vướng mắc về thẩm quyền ban hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện đang phối hợp với Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để thống nhất về cấp thẩm quyền phê duyệt Chiến lược
VI	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
1	Đề án rà soát, chỉnh sửa tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao (CNC) nhằm thực hiện chủ trương thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư nước ngoài sử dụng CNC và triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam
2	Đề án phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Tích hợp với Đề án Phát triển nâng cao năng lực của hệ thống các tổ chức dịch

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
							vụ KH&CN công lập và đã trình Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã ký QĐ 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới các tổ chức KH&CN 2021-2030, tầm nhìn 2050. Hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện dự thảo quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập theo nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt..
VII	DU LỊCH						
1	Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định, Thông tư	Nghị định số 30/2022/NĐ-CP ngày 19/5/2022 của Chính phủ về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia
2	Đề án kế hoạch nâng cao xếp hạng của ngành du lịch Việt Nam theo Chỉ số Năng lực cạnh tranh ngành Lữ hành và Du lịch (TTCI).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã giao Tổng cục Du lịch tổ chức triển khai nhiều hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh ngành Lữ hành và Du lịch TTCI
3	Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản	Tình hình thực hiện
VIII	Y TẾ						
1	Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Bộ Y tế chưa gửi báo cáo
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết mức phân bổ ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Bộ Y tế chưa gửi báo cáo
3	Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ	Luật	Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 9/1/2023